TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HS-ST
Ngày 06-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Linh Chi.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến.

Bà Dương Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 06/01/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 256/2024/HSST ngày 14 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 259A/2024/QĐXXST-HS ngày 28/11/2024, Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 20/TB-TA ngày 06/12/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2024/HSST-QĐ ngày 25/12/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1988 tại Nghệ An; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Số nhà A, ngõ A, đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1961 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1963; có vợ là: Phạm Thị L, sinh năm 1987 (đã ly hôn), chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/4/2024 đến ngày 22/10/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh tại ngoại. Bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 29/11/2024 cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm. (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Văn Q - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư C và cộng sự - Đoàn luật sư tỉnh B. (có mặt).

Địa chỉ : Số A, đường N, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị hại:* Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ dân phố V, phường V, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;*

1. Anh Hoàng Văn C1, sinh năm 1978. (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố V, phường V, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

2. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1963 (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án có lý do).

Nơi ĐKHKTT: Thôn N, xã N, huyện Y (nay là tổ dân phố N, phường N, thành phố B), tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố C, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

3. Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: khu E, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người làm chứng:

1. Chị Hoàng Thị T1, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Y, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

Nơi tạm trú: Tổ dân phố C, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

2. Chị Hoàng Thị L1, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Nơi tạm trú: Tổ dân phố C, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

3. Anh Thân Văn N, sinh năm 1980; (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

4. Anh Lê Như Q1, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh H- sinh năm 1988, trú tại số A, ngõ A, đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang sinh sống cùng mẹ đẻ tại cửa hàng tạp hóa "Minh Hồng" của bà Nguyễn Thị H1- sinh năm 1963 ở tổ dân phố C, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Khoảng tháng 8/2023, H có thỏa thuận và thuê dãy nhà trọ tại thôn C, xã T, huyện V (nay là tổ dân phố C, phường T, thị xã V), tỉnh Bắc Giang của chị Hoàng Thị T- sinh năm 1978, trú tại thôn V, xã V, huyện V (nay là tổ dân phố V, phường V, thị xã V), tỉnh Bắc Giang để cho công nhân thuê lại. Đến cuối tháng

3 năm 2024, do hết hợp đồng thuê dãy nhà trọ nên H bàn giao lại dãy nhà trọ cho chị T nhưng H chưa thanh toán hết tiền nước khu nhà trọ đã sử dụng trong tháng 3/2024 cho chị T. Khoảng 08 giờ ngày 25/4/2024, chị T một mình đi đến cửa hàng tạp hóa "Minh Hồng" của bà H1 tìm gặp H với mục đích để yêu cầu H thanh toán tiền nước còn nợ lại theo thỏa thuận thuê nhà trọ trước đó. Khi đến nơi, do không gặp được H nên chị T đã gọi điện cho H qua ứng dụng zalo yêu cầu H về thanh toán tiền nước và H đồng ý. Sau đó, chị T ở lại chờ H về để thanh toán tiền nước nợ. Trong lúc chờ H về, chị T bảo bà H1 thanh toán tiền nước thay cho H nhưng bà H1 không đồng ý dẫn đến việc hai bên lời qua tiếng lại cãi chửi nhau. Lúc này, bà H1 lấy chiếc chổi dài khoảng 01 mét cầm ở tay phải giơ lên dọa vụt chị T nên chị T giơ tay trái lên định đỡ thì bị rơi chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia xuống nền nhà, dưới gầm chiếc tủ cấp đông trong cửa hàng tạp hóa của bà H1 nên chị T đi vào bên trong quán, xê dịch, đẩy chiếc tủ cấp đông ra bên ngoài mục đích để tìm chiếc điện thoại. Thấy chị T đẩy chiếc tủ cấp đông nên bà H1 nghĩ chị T muốn lấy tài sản của mình nên đã đi tới lấy 01 chiếc gậy gỗ một đầu có móc sắt kéo cửa cuốn xuống mục đích ngăn cản chị T không cho chị T đẩy tủ cấp đông ra bên ngoài nhưng không khóa cửa. Chị T ở bên trong cửa hàng tạp hóa "Minh Hồng" tìm chiếc điện thoại khoảng 01 đến 02 phút thì tìm thấy điện thoại. Sau đó, chị T dùng hai tay đẩy chiếc cửa cuốn lên cao, mở được cửa và đi ra ngoài. Khi ra đến bên ngoài cửa, chị T và bà H1 tiếp tục cãi chửi nhau; bà H1 lấy 01 chiếc chổi quét nhà dài khoảng 01 mét cầm ở tay phải dọa vụt về phía chị T, chị T tháo chiếc dép xốp đang đi ở chân phải ra cầm ở tay phải vụt về phía bà H1. Sau đó, bà H1 và chị T tiếp tục cãi chửi, xô đẩy nhau tại khu vực cửa ra vào của cửa hàng T3. Do sợ bà H1 tiếp tục kéo cửa xuống nên chị T chạy vào bên trong đẩy chiếc tủ cấp đông ra bên ngoài nhưng bị bà H1 ngăn cản; bà H1 cầm chiếc chổi đuổi chị T ra ngoài thì chị T giằng được chổi và vứt đi. Lúc này, bà H1 và chị T tiếp tục cãi chửi nhau thì bà H1 lấy 01 con dao bằng kim loại dài 38cm (phần chuôi dao làm bằng gỗ dài 12cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 26cm) trên kệ để đồ trong cửa hàng tạp hóa rồi cầm dao ở tay phải dọa chém về phía chị T. Do lo sợ việc bà H1 dùng dao chém nên chị T lấy 01 thùng nhựa (loại đựng hoa quả) bên trong có 31 bình ga mini tại khu vực cửa quán bán hàng tạp hóa mục đích để nếu bà H1 dùng dao chém thì chị T sẽ dùng thùng nhựa để đỡ; khi bà H1 giơ dao dọa chém về phía chị T thì chị T lấy thùng nhựa đựng ga giơ lên và nói "Nếu bà chém tôi trúng vào bình ga sẽ nổ bình ga". Chị T và bà H1 tiếp tục giằng nhau thùng nhựa đựng bình ga mini tại khu vực cửa quán tạp hóa làm chị T bị rơi chiếc dép ở chân đang đi; chị T bê thùng nhựa đựng bình ga trên tay và đi tìm thì thấy được chiếc dép; chị T để thùng nhựa đựng bình ga tại khu vực chân cột điện phần đường đối diện cách quán của bà H1 khoảng 45m rồi quay lại nói chuyện với bà H1. Khi bà H1 và chị T tiếp tục xảy ra cãi chửi, giằng co nhau tại khu vực cửa quán tạp hóa nên chị T giằng được con dao

bà H1 đang cầm trên tay; chị T cầm dao ở tay phải đứng gần tủ cấp đông và không có hành động gì chờ H về.

Khoảng 09 giờ 45 phút cùng ngày, H đi về đến cửa hàng tạp hóa, chị T yêu cầu H trả tiền nước cho chị T. H nhìn thấy chị T đang cầm dao ở tay phải đứng gần chiếc tủ cấp đông đã bị đẩy từ trong ra bên ngoài cửa quán nên H nói với chị T "Có gì vào nhà nói chuyện", vừa nói H vừa giằng dao của chị T nhưng không giằng được. Sau đó, H tay phải cầm vào cổ tay chị T đang cầm dao, tay trái quàng qua cổ chị T xô đẩy chị T vào phía trong nhà. Do bị H bóp mạnh vào tay đang cầm dao nên chị T bị rơi dao xuống nền nhà. Bà H1 đi phía sau thấy con dao chị T cầm bị rơi xuống nền nhà nên có đi đến nhặt lại con dao và để lên kệ để đồ gần cửa ra vào. H đẩy ngã chị T xuống nền nhà giữa bàn uống nước và chiếc ghế dài uống nước trong phòng khách; H ngồi lên người chị T và dùng tay trái túm cổ ấn chị T xuống nền nhà và dùng tay phải đấm nhiều lần vào vùng mặt chị T nên chị T nói với H "Thôi thôi chị xin lỗi, đừng đánh chị" nhưng H không nghe mà vẫn tiếp tục dùng tay phải đấm vào vùng mặt chị T. Trong lúc, H dùng tay túm cổ áo và đấm chị T thì bà H1 đi đến dùng hai tay kéo tay phải của H căn ngăn không cho H đánh chị T và nói "Không được đánh nữa" nhưng H không nghe mà tiếp tục dùng tay phải đấm nhiều lần, dùng khuỷu tay phải thúc vào vùng mặt, đầu chị T rồi dừng lại không đánh chị T nữa. Bà H1 nghĩ H không tiếp tục đánh chị T nên bà H1 đi ra khu vực gần cửa ra vào cầm lấy con dao rồi đi ra bên ngoài kéo cửa xuống đồng thời đứng bên ngoài chờ lực lượng Công an đến. Sau khi bà H1 đi ra bên ngoài cửa hàng T3, H tiếp tục dùng tay phải đấm nhiều lần vào vùng mặt của chị T nên chị T kêu cứu. Bà H1 đang đứng bên ngoài nghe thấy chị T kêu cứu nên đẩy cửa lên đi vào bên trong rồi kéo cửa cuốn xuống; bà H1 đi đến chỗ H tiếp tục dùng hai tay kéo tay của H, căn ngăn không cho H đánh chị T nhưng H không nghe và tiếp tục dùng tay phải đấm vào vùng mặt của chị T; chị T kêu cứu. Lúc này, anh Thân Văn N- sinh năm 1980 và anh Lê Như Q1- sinh năm 1981 đều trú tại tổ dân phố P, phường T, thị xã V đang làm ở gần đó nghe thấy tiếng chị T kêu cứu nên đi đến cửa hàng tạp hóa của bà H1 thì nghe thấy tiếng chị T kêu cứu ở bên trong nhà nên đã dùng chân đạp vào cửa cuốn và nói "Mở cửa ra, mày đánh người mày chết đấy" nhưng H không mở cửa; anh N kéo cửa cuốn lên rồi cùng anh Q1 đi vào bên trong nhà thấy chị T đang nằm dưới nền nhà kêu cứu nên anh N và anh Q1 lao vào can ngăn không cho H đánh chị T thì H chửi "Đ.mẹ chúng mày cút hết ra" rồi quay lại tiếp tục dùng tay phải đấm vào mặt và dùng chân đá vào vùng bụng chị T. Cùng lúc, Công an phường T đến đưa H về trụ sở Công an phường T để làm việc, còn chị T được đưa đi cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh B. Quá trình xảy ra sự việc chị Hoàng Thị L1- sinh năm 1987, trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang đang ngồi chơi đối diện với cửa hàng tạp hóa của bà H1 có sử dụng điện thoại di động quay lại 02 đoạn video clip ghi lại một phần diễn biến sự việc.

Ngày 25/4/2024, chị Hoàng Thị T làm đơn trình báo đến Công an phường T tố giác hành vi Nguyễn Thanh H đánh gây thương tích chị. Cùng ngày 25/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an thị xã V tiến hành khám nghiệm hiện trường nơi xảy ra sự việc. Quá trình khám nghiệm có thu giữ 02 mẫu máu; 01 con dao bằng kim loại; 01 thùng nhựa bên trong có 31 bình ga mini nhãn nhiệu Max vina, thể tích 527ml.

Ngày 25/4/2024, chị Hoàng Thị L1 giao cho Công an phường T 02 đoạn video ghi lại một phần diễn biến việc H đánh gây thương tích cho chị T. Cơ quan điều tra đã tiến hành sao lưu vào đĩa DVD-R để phục vụ công tác điều tra.

Ngày 26/4/2024, Cơ quan điều tra tiến hành cho Nguyễn Thanh H xem lại nội dung hình ảnh video trong 02 đoạn video chị Hoàng Thị L1 giao nộp. Kết quả H xác định hình ảnh nam thanh niên đẩy chị T vào trong quán T4 là H.

Ngày 26/4/2024, Công an phường T, bàn giao hồ sơ, đối tượng Nguyễn Thanh H cho Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an thị xã V để điều tra theo thẩm quyền. Cùng ngày 26/4/2024, Cơ quan điều tra tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Thanh H.

Ngày 26/4/2024, Cơ quan điều tra trưng cầu Trung tâm giám định pháp y- Bệnh viện đa khoa tỉnh B tiến hành giám định thương tích, cơ chế, chiều hướng; lực gây thương tích đối với những thương tích của chị Hoàng Thị T . Tại bản kết luận giám định thương tích số 2260/24/KLTTCT-TTPY ngày 26/4/2024 của Trung tâm pháp y- Bệnh viện đa khoa tỉnh B kết luận: Thương tích sưng nề, bầm tím má phải và sau tai phải: 01%; Thương tích bầm tím hố mắt trái: 0,5%; Thương tích bầm tím cổ trái: 0,5%; Thương tích chạm thương mu tay phải không còn dấu vết: 0%; Thương tích bầm tím mu bàn tay trái 0,5%; Thương tích bầm tím môi trên bên phải- mép phải- cằm phải: 0,5%; Thương tích chạm thương mạn sườn phải không còn dấu vết: 0%; Thương tích vết gan chân trái kích thước nhỏ: 01%. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của chị Hoàng Thị T tại thời điểm giám định là 04%; Cơ chế, chiều hướng và lực gây thương tích: Không xác định được cơ chế, vật, chiều hướng và lực gây thương tích.

Ngày 10/6/2024, Cơ quan điều tra trưng cầu Phòng K- Công an tỉnh B giám định trên con dao dài 38cm, phần chuôi dao làm bằng gỗ hình trụ tròn có đường kính 2,5cm, dài 12cm, phần lưỡi dao dài 26cm làm bằng sắt có bản rộng phần rộng nhất 6cm, phần nhỏ nhất 4cm có máu người không. Tại bản kết luận giám định số 1301/KL-KTHS ngày 17/6/2024 của Phòng K- Công an tỉnh B kết luận: Trên 01 (một) con dao được niêm phong gửi giám định không phát hiện thấy dấu vết máu.

Cùng ngày 10/6/2024, Cơ quan điều tra trưng cầu Phòng K- Công an tỉnh B giám định nội dung hình ảnh trong 02 đoạn video trong đĩa DVD-R do chị Hoàng Thị L1 giao nộp có bị cắt ghép, chỉnh sửa không. Tại Bản kết luận giám định số 1320/KL-KTHS ngày 18/6/2024 của Phòng K- Công an tỉnh B kết luận: Không

phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong 02 file video được lưu trữ trong đĩa DVD-R gửi giám định; File video có tên ABBM1159.MP4 có dung lượng 16.0MB, thời lượng 03 phút 26 giây; File video có tên PMTB5510.MP4 có dung lượng 7.17MB, thời lượng 01 phút 18 giây.

Ngày 12/6/2024, Cơ quan điều tra trưng cầu Trung tâm giám định pháp y- Bệnh viện đa khoa tỉnh B giám định bổ sung thương tích, cơ chế, chiều hướng và lực gây thương tích đối với những thương tích của chị Hoàng Thị T; Con dao gửi giám định gây được thương tích nào trên cơ thể chị T; Cơ chế, chiều hướng hình thành dấu vết thương tích. Tại bản kết luận giám định bổ sung thương tích số 2378/24/KLTTCT-TTPY ngày 21/6/2024 của Trung tâm pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh B kết luận: Thương tích vết sẹo gan chân trái kích thước nhỏ: 01%. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của chị Hoàng Thị T tại thời điểm giám định là 01%; Cơ chế, chiều hướng và lực gây thương tích: Thương tích vết sẹo gan chân trái do vật sắc gây nên, không xác định được chiều hướng gây thương tích, lực tác động không mạnh; Các thương tích khác do vật tày gây nên không xác định được chiều hướng gây thương tích, lực tác động không mạnh.

Tại kết luận giám định bổ sung vật gây thương tích số 2378B/24/KLVGTT-TTPY ngày 26/6/2024 của Trung tâm pháp y- Bệnh viện đa khoa tỉnh B kết luận: Con dao gửi giám định gây được thương tích vết sẹo gan chân trái của Hoàng Thị T .

Cùng ngày 12/6/2024, Cơ quan điều tra trưng cầu Trung tâm giám định pháp y- Bệnh viện đa khoa tỉnh B giám định thương tích của Nguyễn Thanh H, cơ chế, chiều hướng hình thành dấu vết thương tích, lực tác động để hình thành các thương tích. Tại bản kết luận giám định thương tích số 2377/24/KLTTCT-TTPY ngày 18/6/2024 của Trung tâm pháp y- Bệnh viện đa khoa tỉnh B kết luận: Thương tích vết sẹo mu bàn tay phải kích thước nhỏ: 01%. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Thanh H tại thời điểm giám định là 01%; Thương tích do vật tày gây nên, không xác định được chiều hướng và lực gây thương tích.

Tại bản kết luận giám định qua hồ sơ số 2377A/24/KLBSHS-PY ngày 24/6/2024 của Trung tâm pháp y- Bệnh viện đa khoa tỉnh B kết luận: Dựa vào hồ sơ, tài liệu; biên bản thực nghiệm điều tra, bản ảnh thực nghiệm điều tra kết luận bị hại Hoàng Thị T dùng răng cắn vào mu bàn tay phải của bị cáo trong tư thế bị hại và bị cáo nằm đối diện, tay trái bị hại giữ tay phải bị cáo gây được thương tích mu bàn tay phải của Nguyễn Thanh H.

Tại bản kết luận định giá số 104/KL-HĐĐGTS ngày 27/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã V kết luận: 01 sọt nhựa màu đen kích thước (60x40x25)cm đã qua sử dụng có giá trị 10.000 đồng; 01 bình ga mini nhãn nhiệu Max vina, thể tích 527ml có giá trị 15.000 đồng; 31 bình ga mini nhãn nhiệu

Max vina, thể tích 527ml có giá trị 465.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 475.000 đồng.

Trong ngày 26/4/2024, Cơ quan điều tra tiến hành cho anh Lê Như Q1 và anh Thân Văn N nhận dạng đối với Nguyễn Thanh H. Kết quả anh Q1, anh N đều nhận ra Nguyễn Thanh H là người đã đánh, gây thương tích chị T vào ngày 25/4/2024.

Ngày 07/6/2024, Cơ quan điều tra tiến hành cho chị Hoàng Thị T thực nghiệm lại hành vi Nguyễn Thanh H đánh gây thương tích cho chị. Quá trình thực nghiệm chị T mô tả được các động tác H dùng tay phải kẹp cổ chị T đẩy vào trong quán, động tác H xô đẩy ngã chị T trong cửa hàng tạp hóa, động tác H ngồi lên người chị T dùng tay trái ấn cổ và dùng tay phải đấm, khuỷu tay phải thúc vào vùng mặt, đầu chị T; động tác H dùng chân phải đá vào vùng bụng chị T.

Ngày 20/6/2024, Cơ quan điều tra tiến hành cho anh Thân Văn N và anh Lê Như Q1 thực nghiệm lại hành vi H đánh gây thương tích cho chị T. Kết quả anh N, anh Q1 đều mô tả được hành vi H dùng tay phải đấm vào mặt chị T, dùng chân phải đạp vào vùng sườn, bụng chị T mà các anh đã trực tiếp nhìn thấy, chứng kiến.

Trong ngày 01/10/2024, Cơ quan điều tra tiến hành cho Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị H1 và chị Hoàng Thị T thực nghiệm lại hành vi, diễn biến việc H đánh gây thương tích cho chị T. Quá trình điều tra, H và bà H1 thực nghiệm được các hành vi H đánh gây thương tích cho chị T; bà H1 can ngăn H khi H đánh gây thương tích cho chị T; bà H1 đóng cửa cuốn đi ra bên ngoài chờ lực lượng Công an và mở cửa cuốn đi vào bên trong can ngăn H khi H đang đánh gây thương tích cho chị T.

Quá trình điều tra, chị T khai khi H đánh gây thương tích cho chị thì H có dùng ổ khóa bằng kim loại đánh vào vùng mặt, vùng đầu chị T và việc bà H1 sử dụng dao chém vào gan bàn chân trái của chị T gây thương tích. Bị cáo H và bà H1 đều khẳng định H chỉ dùng chân tay không đánh gây thương tích vào vùng mặt, vùng đầu chị T; H không sử dụng ổ khóa gây thương tích cho chị T; bà H1 chỉ can ngăn H, không dùng dao chém gây thương tích vùng gan bàn chân trái của chị T. Do có mâu thuẫn về lời khai nên Cơ quan điều tra đã cho người bị hại chị T đối chất với bà H1; Cho chị T đối chất với bị cáo Nguyễn Thanh H nhưng các bên giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra chị Hoàng Thị T yêu cầu bị cáo H bồi thường tổng số tiền 30.000.000 đồng (bao gồm: tiền thuốc, chi phí điều trị; tiền tổn thất tinh thần; tiền mất thu nhập của chị T trong thời gian 05 ngày nằm viện và sau khi chị ra viện phải nghỉ làm); anh Hoàng Văn C1- sinh năm 1978, trú tại tổ dân phố V, phường V, thị xã V (anh C1 là chồng chị T) yêu cầu H bồi thường tiền mất thu nhập trong 05 ngày do anh phải nghỉ việc để chăm sóc chị T tại bệnh viện theo quy định pháp luật. Bị cáo H đã tác động gia đình tự nguyện nộp số tiền 21.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Việt Yên (theo biên lai thu

tiền số 000605 ngày 30/7/2024) để bồi thường trước cho chị T, anh C1. Đến nay, bị cáo H chưa bồi thường số tiền còn theo yêu cầu của chị T và anh C1.

Về xử lý vật chứng: Đối với sọt nhựa bên trong có 31 bình ga mini nhãn hiệu Max vina, thể tích 527 ml quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị H1, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã V đã trả lại cho bà Nguyễn Thị H1.

Đối với 01 con dao dài 38cm, phần chuôi dao làm bằng gỗ hình trụ tròn có đường kính 2,5cm, dài 12cm, phần lưỡi dao dài 26cm làm bằng sắt có bản rộng phần rộng nhất 6cm, phần nhỏ nhất 4cm; 01 thùng nhựa màu đen bên trong có 31 bình ga mini nhãn hiệu Max vina thể tích 527ml. Quá trình điều tra xác định tài sản trên của bà H1 không dùng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng để xử lý theo quy định.

Tại cơ quan điều tra, ban đầu Nguyễn Thanh H không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Quá trình truy tố, điều tra bổ sung bị cáo H đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 264/CT-VKS ngày 09/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Nguyễn Thanh Hùng về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố.

Chị Hoàng Thị T yêu cầu bị cáo bồi thường cho chị T tổng số tiền 30.000.000 đồng bao gồm các khoản tiền: Tiền chi phí khám, điều trị bệnh, tiền thuốc; tiền bồi thường tổn thất tinh thần; tiền mất thu nhập của chị T trong thời gian chị T điều trị tại bệnh viện và nghỉ việc sau khi ra viện; tiền mất thu nhập của anh C1 – là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng chị T trong 05 ngày chị T nằm viện. Chị T yêu cầu bị cáo trả tổng số tiền này cho một mình chị T nhận.

Anh Hoàng Văn C1 nhất trí với ý kiến của chị T và đề nghị bị cáo bồi thường cả tiền mất ngày công thu nhập của anh trong 05 ngày anh nghỉ việc chăm sóc chị T tại bệnh viện cho chị T nhận. Anh không yêu cầu chị T phải trả lại anh số tiền này vì anh chị là vợ chồng.

Bị cáo không đồng ý bồi thường cho chị T 30.000.000 đồng theo yêu cầu của chị T. Bị cáo đồng ý bồi thường theo mức quy định của pháp luật.

Qua tranh tụng tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên phát biểu lời luận tội vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Thanh H về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự và đề nghị:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 134, điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H từ 06 tháng tù. Xác định bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù bằng thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/4/2024 đến ngày 22/10/2024 (180 ngày = 06 tháng).

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật Hình sự, 584, 585, 590 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Nguyễn Thanh H phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị T2 21.250.209 đồng. Quá trình điều tra Nguyễn Thanh H đã tác động gia đình tự nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự số tiền 21.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000605 để bồi thường cho chị T2. Nên H phải bồi thường tiếp số tiền còn lại cho chị T2 là 250.209 đồng. Chị T2 được nhận số tiền 21.000.000 đồng bị cáo đã nộp bồi thường tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Việt Yên.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho bà Nguyễn Thị H1 01 con dao dài 38cm, phần chuôi dao làm bằng gỗ hình trụ tròn có đường kính 2,5cm, dài 12cm, phần lưỡi dao dài 26cm làm bằng sắt có bản rộng phần rộng nhất 6cm, phần nhỏ nhất 4cm.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Nguyễn Thanh H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Luật sư Q trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo: Luật sư nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và trách nhiệm dân sự. Về hình phạt, bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo dã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình bị cáo tự nguyện nộp trước số tiền 21.000.000 đồng vào chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên để bồi thường cho bị hại, tại phiên tòa bị cáo đã rất ăn năn hối cải về hành vi của mình và xin lỗi bị hại. Do vậy đề nghị HĐXX áp dụng điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 134 BLS xử phạt bị cáo H 06 tháng tù, bằng thời hạn bị cáo đã bị tạm giữ tạm giam 180 ngày tương đương với 6 tháng (từ ngày 24/5/2024 đến ngày 22/10/2024). Xác nhận bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù. Đối với chị T2 có hành vi xô đẩy, chửi bới với bà H1 trước khi bị cáo H gây thương tích cho chị T2, luật sư đề nghị HĐXX và đại diện Viện kiểm sát kiến nghị xem xét xử lý hành vi này của chị T2 theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không bổ sung tranh luận gì.

Bị hại chị Hoàng Thị T tranh luận: Không nhất trí về mức hình phạt đối với bị cáo H của đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa vì mức hình phạt này là thấp, đề nghị xem xét tăng hình phạt và xử lý bị cáo nghiêm minh đối với bị cáo. Đề nghị xử lý trách nhiệm hình sự bà H1 về hành vi đồng phạm với H gây thương tích cho bị hại vì bà H1 có hành vi đóng cửa cuốn lại cho H đánh bị hại và có hành

vi dùng dao chém gây thương tích vào chân cho bị hại. Về trách nhiệm dân sự, yêu cầu buộc bị cáo bồi thường đủ 30.000.000 đồng theo yêu cầu của bị hại, mức bồi thường đại diện viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là thấp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn C1, ông Nguyễn Văn G không có tranh luận gì.

Viện kiểm sát tranh luận đối đáp với quan điểm tranh luận của bị hại:

- Về yêu cầu xem xét trách nhiệm hình sự với bà H1 là đồng phạm với bị cáo khi có hành vi kéo cửa xuống để cho bị cáo đánh bị hại và bà H1 có hành vi dùng dao chém gây thương tích cho bị hại: Tại các bút lục 431a-432; 433-433a có trong hồ sơ vụ án, bà H1 xác định quá trình bị cáo đánh bị hại bà có 2 lần can ngăn không cho H đánh bị hại. Lần thứ nhất bà thấy H xô ngã chị T và dùng tay phải đấm chị T thì bà đến can ngăn và kéo tay H ra, bảo H không được đánh chị T nhưng H không nghe. Lần thứ hai sau khi H dừng lại không đánh chị T nữa thì bà H1 đi ra ngoài kéo cửa xuống để báo công an đến giải quyết sự việc chị T lấy tài sản nhà bà H1. Nhưng sau đó bà lại nghe thấy tiếng chị T kêu bên trong nên bà lại mở cửa để đi vào trong, sau khi mở cửa đi vào nhà thì bà H1 lại kéo cửa xuống và tiếp tục đi vào bên trong để can ngăn H. Bản thân bà H1 không thừa nhận sử dụng dao gây thương tích cho người bị hại. Tại bút lục số 425-426, 428-429, Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất nội dung này giữa bà H1 và chị T; giữa bị cáo H và chị T nhưng các bên giữ nguyên lời khai của mình, ngoài ra không có các chứng cứ khác thể hiện việc chị T bị bà H1 và H cùng đánh nên không đủ căn cứ xác định bà H1 đồng phạm với H cùng gây thương tích cho chị T.

- Về hình phạt: Đối với tội cố ý gây thương tích theo quy định tại diểm i khoản 1 Điều 134 BLHS thì mức hình hạt từ 6 tháng đến 03 năm tù. Sau khi giá xem xét toàn diện tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo thấy: bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo dã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình bị cáo tự nguyện nộp trước số tiền 21.000.000 đồng vào Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên để bồi thường trước cho bị hại, tại phiên tòa bị cáo đã xin lỗi bị hại mong muốn giải quyết tình cảm với bị hại, điều này thể hiện sự ăn năn hối cải của bị cáo, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra không lớn, thương tích của bị hại là 4%. Do vậy đại diện Viện kiểm sát thấy mức hình phạt đề xuất Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo là đã tương xứng với tính chất mức độ hành vi của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên mức hình phạt đã đề nghị.

- Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường 30.000.000 đồng nhưng bị cáo không đồng ý; bị cáo chỉ đồng ý bồi thường cho bị

hại theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ mà bị hại xuất trình cho cơ quan điều tra trong quá trình điều tra, truy tố, và qua quá trình tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ các quy định của Bộ luật Dân sự quy định về mức bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe của người bị hại bị bị cáo xâm hại, đại diện Viện kiểm sát nhận thấy mức tiền bồi thường mà Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại 21.250.209 đồng là phù hợp nên đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm.

- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa không ai bổ sung quan điểm tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai, bị cáo rất hối hận, đề nghị Hồi đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Những người làm chứng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản của Tòa án về thời gian mở phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy quá trình điều tra, những người làm chứng đã có lời khai đầy đủ và được lưu trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt họ không trở ngại cho việc xét xử. Do đó, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt những người làm chứng theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Kể từ khi khởi tố vụ án hình sự, trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án, HĐXX thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, Kiểm sát viên thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên toà bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo, và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với các kết luận giám định, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 09 giờ 45 phút ngày 25/4/2024, tại cửa hàng T3" ở tổ dân phố C, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; Nguyễn Thanh H mặc dù không có mâu thuẫn

gì với chị T, khi chị T đến tìm H để đòi tiền nước của dãy trọ do H thuê trước đó chưa trả. Do bực tức về việc chị T đòi tiền nên H đã có hành vi dùng tay trái quàng vào cổ chị T, đẩy chị T ngã xuống nền nhà rồi dùng tay không đánh vào vùng đầu, mặt, cổ, dùng chân đá vào vùng bụng phải chị Hoàng Thị T- sinh năm 1978, trú tại tổ dân phố V, phường V, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Hậu quả làm chị T bị tổn thương cơ thể với tổng tỷ lệ thương tích là 04%.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn nhưng đã dùng chân, tay đánh bị hại, hậu quả bị hại bị thương tích 4% sức khỏe do vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng số 264/CT-VKS ngày 09/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên truy tố bị cáo Nguyễn Thanh H về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm i khoản 1Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét về nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội và tại phiên tòa đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo đã chủ động tác động gia đình bị cáo tự nguyện nộp 21.000.000 đồng bồi thường trước khi xét xử cho bị hại nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý lo lắng cho nhân dân, làm ảnh hưởng xấu tới việc quản lý an ninh trật tự tại địa phương. Tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn gì nhưng bị cáo đã vô cớ dùng chân, tay đấm, đá gây thương tích cho bị hại. Quá trình bị cáo đánh bị hại, bị hại có xin bị cáo không đánh bị hại nữa nhưng bị cáo vẫn dùng chân, tay đánh nhiều nhát vào vùng mặt, đầu bị hại. Khi được anh Q1 và anh N can ngăn, bị cáo vẫn tiếp tục dùng chân đạp vào vùng bụng, mạn sườn và dùng tay đấm vào đầu bị hại hậu quả làm bị hại bị tổn hại 4% sức khỏe điều này thể hiện tính chất côn đồ và cố ý thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo. Sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra ban đầu bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân. Điều này thể hiện sự coi thường pháp luật của bị cáo. Do vậy cần có hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới tương xứng

với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại chị Hoàng Thị T, HĐXX thấy: Tại phiên tòa bị cáo và bị hại không tự thỏa thuận được với nhau về trách nhiệm dân sự. Hành vi xâm phạm sức khỏe của bị cáo là nguyên nhân dẫn đến hậu quả bị hại chị Hoàng Thị T bị tổn thương sức khỏe 4% và phải đi điều trị tại bệnh viện đa khoa tỉnh B. Theo giấy ra viện ngày 29/4/2024 của Bệnh viện đa khoa tỉnh B, chị T nhập viện điều trị tại bệnh viện đa khoa tỉnh B trong 05 ngày từ hồi 10 giờ 50 phút ngày 25/4/2024 đến 11 giờ 00 phút ngày 29/4/2024. Do vậy HĐXX thấy yêu cầu bồi thường của chị T đối với bị cáo tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ nên cần xem xét buộc bị cáo bồi thường cho chị T các khoản tiền sau:

- Đối với tiền chi phí khám và điều trị bệnh, tiền thuốc: 7.580.209 đồng theo các hóa đơn:

Hóa đơn bán hàng ngày 27/4/2024 (theo chỉ định tại đơn thuốc ngày 26/4/2024 của bác sĩ): 504.260 đồng.

+ Hóa đơn bán hàng ngày 29/4/2024 (theo chỉ định tại đơn thuốc ngày 27/4/2024): 640.499 đồng.

+ Hóa đơn bán hàng ngày 27/4/2024 (theo chỉ định tại đơn thuốc ngày 26/4/2024): 1.601.700 đồng.

+ Hóa đơn bán hàng ngày 30/4/2024 (theo chỉ định tại đơn thuốc ngày 29/4/2024): 1.520.396 đồng.

+ Tiền chi phí khám, chữa bệnh theo phiếu thu tiền số 977322 (bút lục số 352), bảng kê chi phí điều trị nội trú thanh toán khi chị ra viện ngày 29/4/2024 tổng số tiền: 3.313.354 đồng.

HĐXX thấy đây là các chi phí khám chữa bệnh hợp lý theo Luật khám chữa bệnh và điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng quy định của bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nên HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu của bị hại, buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền chi phí khám và điều trị bệnh, tiền thuốc là 7.580.209đồng.

- Đối với chi phí bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm: Ngày 29/4/2024, chị T được ra viện với tình trạng chấn thương vùng đầu, chấn thương hàm mặt, đa chấn thương phần mềm do bị đánh, ra viện dùng thuốc theo đơn. HĐXX xét thấy bị cáo dùng chân, tay gây thương tích cho chị T 4% và không để lại cố tật gì cho chị T nên cần buộc bị cáo bồi thường cho chị T khoản tiền bù đắp tổn tất về tinh thần mà chị T phải gánh chịu tương đương 04 tháng lương cơ sở do

Nhà nước quy định hiện nay là 2.340.000 đồng x 04 lần = 9.360.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 590 Bộ luật Dân sự.

- Đối với phần thu nhập thực tế bị mất của bị hại: Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định: Mặc dù chị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố V, phường V, thị xã V nhưng vợ chồng chị T, anh C1 đã mua đất xây nhà và sinh sống tại khu T, phường B, thị xã V 03 năm nay. Trước khi bị gây thương tích chị T cùng chồng là anh Hoàng Văn C1 tự kinh doanh quán cà phê, nước giải khát ở tại nhà riêng của vợ chồng chị ở khu T, phường B, thị xã V, cửa hàng K1 đến 23 ngày/01tháng.

Xác minh với đại diện đại diện UBND phường B, địa phương cho biết chị T và anh C1 cùng kinh doanh quán cà phê, nước giải khát ở tại nhà riêng của vợ chồng chị ở khu thương mại chợ M, phường B, thị xã V. Địa phương xác định thu nhập kinh doanh của các quán cà phê tại khu T, phường B, thị xã V khoảng 8.000.000 triệu đồng đến 10.000.000 đồng/tháng/01 cửa hàng. Do vậy HĐXX xác định mức thu nhập của chị T, anh C1 trung bình 01 tháng là 10.000.000 đồng/02 người = 5.000.000 đồng/tháng/01 người. Thu nhập của chị T, anh C1 theo ngày = 5.000.000 đồng/23 ngày = 217.391 đồng/01 người /01ngày.

Xác minh tại Trạm y tế phường Bích Động cho thấy: theo hồ sơ bệnh án của chị T điều trị đối với vết thương của chị T do bị cáo gây ra. Do vết thương của chị T là thương tích phần mềm, bầm tím dưới da nên sau khi ra viện chị T điều trị tại nhà từ 07 đến 10 ngày là khỏi và có thể đi lại làm việc bình thường. Do vậy, HĐXX thấy có căn cứ chấp nhận thời gian mất thu nhập của chị T sau khi ra viện là 10 ngày là phù hợp + 05 ngày mất thu nhập do chị T điều trị tại bệnh viện Đa khoa tỉnh B. Tổng cộng chị T bị mất thu nhập 15 ngày x 217.391 đồng/ngày = 3.260.870 đồng. HĐXX thấy cần buộc bị cáo bồi thường cho chị T thu nhập thực tế bị mất trong 15 ngày là 3.260.870 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 590 Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng quy định của bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

- Đối với phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại chị Hoàng Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn C1 thống nhất anh, chị yêu cầu bị cáo bồi thường tiền mất ngày công thu nhập của anh C1 trong 05 ngày anh C1 nghỉ việc chăm sóc chị T theo quy định của pháp luật cho chị T là người nhận. Do vậy HĐXX thấy có căn cứ buộc bị cáo bồi thường tiền mất thu nhập của anh C1 là người chăm sóc chị T trong 05 ngày nằm viện là 217.391 đồng x 5 ngày = 1.086.955 đồng cho chị T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 590 Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng quy định của bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp

đồng. Do anh C1 và chị T là vợ chồng nên anh C1 không yêu cầu chị T phải trả cho anh số tiền này nên HĐXX không xem xét.

Từ những căn cứ trên, HĐXX thấy cần buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho chị T số tiền là: 7.580.209 đồng (chi phí khám, điêu trị bệnh) + 9.360.000 đồng (chi phí tổn thất tinh thần) + 3.260.870 đồng (chi phí mất thu nhập của chị T trong thời gian điều trị tại bệnh viện và sau khi ra viện) + 1.086.955 đồng (chi phí mất thu nhập của người chăm sóc) = 21.288.000đồng (đã làm tròn) là phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử, bị cáo đã tác động gia đình bị cáo tự nguyện nộp số tiền 21.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000605 ngày 30/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên để bồi thường trước cho bị hại nên cần buộc bị cáo có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền còn lại là 288.000 đồng.

[7] Các vấn đề khác:

- Đối với việc chị T khai quá trình H đánh gây thương tích cho chị thì H có dùng ổ khóa bằng kim loại đánh vào vùng mặt, vùng đầu chị T. Quá trình điều tra, cả H và bà H1 đều có lời khai khẳng định H dùng chân tay không đánh gây thương tích vào vùng mặt, vùng đầu cho chị T. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho đối chất giữa các bên, nhưng H, chị T, bà H1 giữ nguyên lời khai. Tại phiên tòa, chị T, bị cáo H và bà H1 vẫn giữ nguyên lời khai của mình như lời khai tại Cơ quan điều tra. Ngoài lời khai của chị T không còn tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh việc H dùng ổ khóa gây thương tích cho chị T nên HĐXX thấy không có căn cứ xử lý đối với H về tình tiết dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho chị T.

- Đối với việc bà Nguyễn Thị Hồng tố G1 chị T có hành vi cướp tài sản là sọt nhựa bên trong có 31 bình ga mini nhãn hiệu Max vina, thể tích 527 ml có trị giá 465.000 đồng và chiếc tủ cấp đông. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa chị T khai mục đích chị T lấy thùng nhựa bên trong có 31 bình ga mini nhãn hiệu Max vina mục đích để đỡ con dao khi bà H1 dọa chém chị T và đẩy chiếc tủ lạnh ra để chặn cửa cuốn mục đích không cho bà H1 đóng cửa, chị T không có mục đích chiếm đoạt các tài sản trên. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã công bố chứng cứ điện tử là 02 đoạn video được lưu trữ trong hồ sơ vụ án trong đó có nội dung thể hiện trước khi chị T lấy thùng nhựa bên trong có 31 bình ga mini nhãn hiệu Max vina tại cửa hàng của bà thì bà có cầm dao chém dọa về phía chị T, sau đó chị T mới lấy sọt nhựa bên trong có 31 bình ga mini nhãn hiệu Max vina để chống đỡ, chị T có nói lại với bà H1 "nếu bà chém tôi thì tôi dơ sọt ga này ra bà chém vào bình ga là sẽ nổ bình ga". Xét thấy lời khai của chị T hoàn toàn phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có căn cứ xác định việc chị H1 lấy sọt nhựa bên trong có 31 bình ga mini nhãn hiệu Max vina của bà H1 là nhằm mục đích đỡ con dao

khi bà H1 dọa chém chị T, việc chị T đẩy chiếc tủ lạnh ra ngoài nhằm mục đích không cho bà H1 đóng cửa lại, chị T không có mục đích chiếm đoạt các tài sản trên nên các chị hành vi này của chị T không cấu thành tội phạm.

- Đối với bà Nguyễn Thị H1: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa xác định bà H1 là người có mặt trong quán tạp hóa và có hành vi kéo cửa cuốn cửa hàng tạp hóa theo lời hô "Đóng cửa lại" của H khi H đang đánh gây thương tích cho chị T; bà H1 có hành vi kéo cửa cuốn nhốt chị T trong nhà bà H1 2 phút trước khi bị cáo đánh chị T; Tại phiên tòa bị hại chị T trình bày bà H1 là người sử dụng dao chém vào gan bàn chân trái của chị T gây lên thương tích 1% tại gan bàn chân trái của chị T. Ngày 22/8/2024 Hội đồng xét xử đã trả hồ sơ điều tra bổ sung yêu cầu làm rõ các hành vi này của bà H1 có cấu thành đồng phạm với vai trò giúp sức hay cấu thành tội phạm mới trong vụ án hay không nhưng kết quả điều tra bổ sung chưa làm rõ được. Căn cứ điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự quy định về giới hạn xét xử, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử kiến nghị xem xét vụ án theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm đối với các hành vi này của bà Nguyễn Thị H1.

- Đối với bà Nguyễn Thị H1 và chị Hoàng Thị T: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bà H1 và chị T đều thừa nhận trước khi bị cáo H gây thương tích cho chị T thì bà H1 và chị T đã có hành vi cãi chửi nhau, giằng co, xô đẩy nhau chiếc chổi và con dao tại cửa quán tạp hóa nhà bà H1 gây mất trật tự tại khu dân cư. Lời khai của bà H1 và chị T phù hợp với lời khai của người làm chứng và chứng cứ điện tử có trong hồ sơ vụ án đã được HĐXX công bố tại phiên tòa. Do vậy HĐXX kiến nghị Công an thị xã V xem xét xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị H1 và chị Hoàng Thị T về hành vi gây mất trật tự công cộng theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX thấy:

- Đối với sọt nhựa bên trong có 31 bình ga mini nhãn hiệu Max vina, thể tích 527ml quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của bà H1, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã V đã trả lại cho bà H1 là phù hợp quy định tại điều 106 BLHS nên HĐXX không xem xét.

- Đối 01 con dao bằng kim loại dài 38cm, phần lưỡi dao làm bừng gỗ hình trụ tròn có đường kính 2,5cm, dài 12cm, phần lưỡi dao dài 26cm làm bằng kim loại có

bản rộng, phần rộng nhất 6cm, phần nhỏ nhất 4cm là tài sản hợp pháp của bà H1 không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bà H1.

[9] Về án phí:

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016. Bị cáo Nguyễn Thanh H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 có mặt tại phiên tòa khi xét xử và vắng mặt khi tranh luận, tuyên án có lý do nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Thời hạn tù bằng thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/4/2024 đến ngày 22/10/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 357, Điều 468; Điều 584; Điều 585; Điều 590 của Bộ luật dân sự; Điều 2, Điều 3, Điều 7 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh H phải bồi thường cho chị Hoàng Thị T số tiền 21.288.000đ (hai mươi mốt triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng) nhưng được trừ số tiền 21.000.000đ (hai mươi mốt triệu đồng) bị cáo đã tự nguyện nộp trước theo biên lai thu tiền số 0000605 ngày 30/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho chị T số tiền 288.000đ (hai trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Bị hại chị Hoàng Thị T được nhận số tiền 21.000.000đ (hai mươi mốt triệu đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên theo biên lai thu số 0000605 ngày 30/7/2024.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại bà Nguyễn Thị H1 01 con dao bằng kim loại dài 38cm, phần lưỡi dao làm bừng gỗ hình trụ tròn có đường kính 2,5cm, dài 12cm, phần lưỡi dao dài 26cm làm bằng kim loại có bản rộng, phần rộng nhất 6cm, phần nhỏ nhất 4cm.

(Vật chứng có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/8/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã V với Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Bị cáo Nguyễn Thanh H phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chiến **Dương Thị Hoa** **Nguyễn Linh Chi**